

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 08 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Lễ Nghi

Ông Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2007 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 và bà Trương Thị H, sinh năm 1980; Chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11 tháng 5 năm 2024 đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều V: Luật sư Huỳnh Ngọc T - Văn phòng Luật sư Trương Hoàng P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Bị hại:

Bà Trần Thị M, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1980 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 04/5/2024, bị cáo Nguyễn Thị Kiều V được ông Lê Văn L (bạn trai của bị cáo V) dẫn đến nhà bà Trần Thị M (bạn ông L) chơi và ở lại nhà bà M. Trong thời gian ở tại nhà bà M, bị cáo V và bà M cùng ngủ chung phòng. Đến sáng ngày 06/5/2024 bà M mở tủ lấy số tiền 400.000đồng đang cất giữ trong ví để tiêu xài rồi khóa cửa tủ lại. Thời điểm này bị cáo V ở trong phòng ngủ của bà M nhìn thấy bà M lấy tiền và cất tiền trong tủ nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền để tiêu xài.

Khoảng 06 giờ ngày 06/5/2024, lợi dụng lúc bà M đưa cháu đi học không có mặt ở nhà, bị cáo V đi đến vị trí tủ kim loại trong phòng ngủ của bà M dùng tay trái kéo cửa tủ tạo ra khe hở; sau đó bị cáo đưa tay phải vào bên trong hộp tủ phía dưới, bên trái tìm kiếm tài sản thì mở được dây kéo của ba lô và lấy được ví tiền để trong ba lô ra ngoài, bị cáo kiểm tra thấy trong ví có nhiều tiền mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng và 10.000đồng nhưng bị cáo chỉ lấy trộm 12 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng cùng nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000đồng và 10.000đồng cất giấu vào trong túi áo bị cáo đang mặc, trong ví còn nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau nhưng bị cáo không lấy trộm mà vẫn để trong ví rồi cho ví vào trong tủ, đóng kín cửa tủ lại như ban đầu. Bị cáo V mang số tiền vừa trộm được vào nhà vệ sinh kiểm tra được số tiền 11.000.000 đồng. Đến trưa ngày 06/5/2024, bị cáo V sợ bà M phát hiện mất trộm tài sản nên tiếp tục đến vị trí tủ kim loại dự định lấy ví chứa tiền để trở lại trong ba lô như hiện trạng ban đầu nhưng không thực hiện được. Sau khi lấy trộm được tài sản, thời gian từ ngày 07/5/2024 đến ngày 10/5/2024 bị cáo V cho tiền ông Lê Văn L để tiêu xài 04 lần với tổng số tiền 900.000đồng, đưa cho bà Trần Thị M số tiền 2.500.000đồng nhằm mục đích góp tiền cùng bà M để làm vốn bán điểm tâm sáng, số tiền còn lại bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc trái phép và tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 10/5/2024, bà M mở cửa tủ thì ví tiền rơi ra ngoài nền gạch, bà M kiểm tra lại thì phát hiện trong ví chỉ còn lại số tiền khoảng 17.000.000đồng, bị mất trộm 11.000.000đồng, xác định bị cáo V lấy trộm nên bà M đến Công an xã T tố giác.

Công an xã T tiến hành mời làm việc đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều V, qua làm việc bị cáo V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp số tiền đã trộm cắp còn lại là 821.000đồng.

Xét thấy vụ việc vượt quá thẩm quyền giải quyết, cùng ngày Công an xã T chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 11/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định

khởi tố bị cáo và Lệnh bắt bị cáo để tạm giam đối với Nguyễn Thị Kiều V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự, để tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo V và bà Trần Thị M thống nhất số tiền bị thiệt hại là 11.000.000đồng. Bị cáo V đưa số tiền 2.500.000đồng cho bà M để góp vốn bán điểm tâm sáng, đưa cho ông L số tiền 900.000đồng tiêu xài cá nhân, bị cáo tiêu xài cá nhân khoảng 1.000.000đồng, còn lại khoảng 6.600.000đồng bị cáo V sử dụng vào mục đích đánh bạc và bị thua hết số tiền 5.779.000đồng còn lại số tiền 821.000đồng.

Ông Lê Văn L khai nhận, đã sử dụng số tiền 900.000đồng do bị cáo V tặng để tiêu xài cá nhân, ông không biết do bị cáo V trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý. Quá trình điều tra, ông L tự nguyện giao nộp lại số tiền trên.

Đối với số tiền khoảng 6.600.000đồng bị cáo V khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc tại nhà bà M. Quá trình điều tra, V khai nhận thực hiện đánh bạc nhiều lần cùng với người tên T1, người tên K và một người khác, 03 người kể trên bị cáo V đều không biết rõ họ tên, nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không tiến hành mời làm việc được. Đồng thời, bị cáo V không xác định được số tiền từng lần bị cáo dùng đánh bạc là bao nhiêu nên không đủ cơ sở xem xét xử lý bị cáo V về hành vi đánh bạc.

Đối với bà Trần Thị M, không biết việc bị cáo V tham gia đánh bạc trái phép, không thu lợi bất chính nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với bà M về hành vi tổ chức đánh bạc và gá bạc.

Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ số tiền 821.000đồng do bị cáo Nguyễn Thị Kiều V tự nguyện giao nộp. Xét thấy việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến kết quả điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bà Trần Thị M theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Lê Văn L giao nộp số tiền 900.000đồng, Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C để bảo quản theo quy định.

Bị hại Trần Thị M đã nhận tổng số tiền là 11.000.000đồng, gồm: Số tiền 2.500.000đồng của bị cáo V đưa để góp vốn bán điểm tâm sáng, số tiền 821.000đồng do Cơ quan điều tra trao trả và số tiền 7.679.000đồng do bà Trương Thị H (mẹ ruột của bị cáo V) thay bị cáo bồi thường thiệt hại. Sau khi nhận đủ số tiền bà M không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo V.

Đối với bà Trương Thị H bỏ ra 7.679.000đồng thay bị cáo V bồi thường thiệt hại, bà H không yêu cầu bị can V trả lại số tiền này.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng thể hiện là đúng và không bổ sung hay khiêu nại gì về nội dung Cáo trạng.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện tác động người thân khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 54; 90; 91; 101 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều V từ 03 (ba) tháng đến 4 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 11 tháng 5 năm 2024.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét. Riêng số tiền 900.000 đồng do bị cáo cho ông L, ông L không biết số tiền này bị cáo thực hiện vi phạm của bà M nên đã giao nộp cho cơ quan công an. Bà H đồng ý nhận lại số tiền này nên trả lại 900.000 đồng cho bà Trương Thị H (Hiện Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C để bảo quản theo quy định).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo V: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo V. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo trình độ thấp thiếu sự quan tâm, giáo dục từ gia đình; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa trưởng thành nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo bằng thời gian bị cáo bị tạm giam.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kiều V: Vào khoảng 06 giờ, ngày 06/5/2024 tại nhà bà Trần Thị M, bị cáo V thấy bà M mở tủ lấy số tiền 400.000 đồng đang cất giữ trong ví để tiêu xài rồi khóa cửa tủ lại. Do có nhu cầu cần tiền để tiêu xài cá nhân, lợi dụng lúc bà M vắng nhà, bị cáo Nguyễn Thị Kiều V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên bị cáo V lập tức lén lút đi đến phòng ngủ của bà M, dùng tay trái kéo cửa tủ lấy trộm số tiền 11.000.000 đồng. Ngày 10/5/2024 bà Trần Thị M phát hiện bị mất tiền nên trình báo Công an xã T, tiến hành làm việc Nguyễn Thị Kiều V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, hành vi của bị cáo V đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe nhưng vì chạy lười lao động, muốn hưởng thụ nên bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ.

[5] Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của bà M mà còn ảnh hưởng đến trật tự xã hội địa phương nơi bị cáo gây án, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động sản xuất và ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như bày trừ các tệ nạn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2007 khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xét xử đối với bị cáo V. Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời, bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Tòa án áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo V. Tính từ ngày bị cáo V bị bắt tạm giam đến ngày xét xử được 03 tháng. Thời gian này cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội nên Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều V tại phiên tòa.

[6] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định và hành vi này nên các quyết định và hành vi này đều hợp pháp. Về những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập là hợp pháp.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét. Riêng số tiền 900.000 đồng do bị cáo cho ông L, ông L không biết số tiền này bị cáo thực hiện vi phạm của bà M nên đã giao nộp cho cơ quan công an. Bà H đồng ý nhận lại số tiền này nên trả lại 900.000 đồng cho bà Trương Thị H (Hiện Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C để bảo quản theo quy định).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Xét lời bào chữa của Luật sư phân tích tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đương hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật hình sự đề nghị xử bị cáo bằng thời hạn tạm giam là có căn cứ nên chấp nhận. Riêng người bào chữa đề nghị nhận định bổ sung thêm cho bị cáo khi tội bị cáo chưa trưởng thành nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, thiếu sự quan tâm giáo dục của vào tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp nên không chấp nhận. Tuy nhiên, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Bản luận tội của Viện đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[13] Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều V 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (Từ ngày 11/5/2024 đến ngày 08/8/2024). Tuyên bố trả tự do cho bị cáo V tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét. Riêng số tiền 900.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị Kiều V cho ông Lê Văn L, ông L không biết số tiền này bị cáo thực hiện vi phạm của bà M nên đã giao nộp cho cơ quan công an. Bà H đồng ý nhận lại số tiền này nên trả lại 900.000 đồng cho bà Trương Thị H (Cơ quan điều tra đã tạm gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C để bảo quản theo quy định).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tiền; không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo V nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Ai